

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN TRỤ  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/DS-ST  
Ngày: 29-01-2021  
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng  
dân sự về vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ  
TỈNH LONG AN**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Dũng.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**1. Ông Nguyễn Văn Kết;**

**2. Bà Mai Thị Bỉ.**

- *Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Luyến* – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 120/2020/TLST-DS, ngày 13 tháng 10 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2020/QĐXXST-DS, ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị D**, sinh năm: 1973; Địa chỉ: Xã T, huyện T, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền: **Bà Võ Thị Q**, sinh năm 1967; Địa chỉ: khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh L (Có mặt)

2. Bị đơn: **Bà Phạm Thị Ngọc L**, sinh năm: 1972; Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện T, tỉnh L (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*1. Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và những lời trình bày tiếp theo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, như sau:*

Năm 2017, bà Nguyễn Thị D có cho bà Phạm Thị Ngọc L vay tiền như sau: Ngày 10/8/2017 vay 250.000.000đ; ngày 10/9/2017 vay 700.000.000đ, tổng cộng là 950.000.000đ. Cả hai lần vay đều thỏa thuận thời hạn vay 02 năm, lãi suất 1%/tháng. Tính đến nay, bà L chỉ trả cho bà D 03 tháng tiền lãi với số tiền 28.500.000đ, chưa trả tiền vốn vay.

Nay bà D yêu cầu bà L trả 950.000.000đ tiền vốn vay và tiền lãi với lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 10/01/2018 đến ngày 10/8/2020 là 32 tháng, thành tiền là 332.500.000đ nhưng bà L có trả 28.500.000đ nên còn 304.000.000đ, tổng cộng tiền vốn và lãi là 1.254.000.000đ.

*2. Bị đơn, bà Phạm Thị Ngọc L vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.*

Tại phiên tòa: Nguyên đơn trình bày đã cung cấp đủ các chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bà Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Ngọc L trả số tiền vốn vay và tiền lãi. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là hợp đồng dân sự về vay tài sản. Bà L có địa chỉ tại huyện Tân Trụ, tỉnh Long An nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn, bà Phạm Thị Ngọc L đã được Tòa án cấp tổng đạt, hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bà Võ Thị Q trình bày bà D có cho bà L vay tiền 02 lần: Ngày 10/8/2017 vay 250.000.000đ và ngày 10/9/2017 vay 700.000.000đ, tổng cộng là 950.000.000đ. Cả hai lần vay đều thỏa thuận thời hạn vay 02 năm, lãi suất 1%/tháng. Tính đến nay, bà L chỉ trả cho bà D 03 tháng tiền lãi với số tiền 28.500.000đ, chưa trả tiền vốn vay. Bà D yêu cầu bà L trả 950.000.000đ tiền vốn vay và tiền lãi là 304.000.000đ, tổng cộng tiền vốn và lãi là 1.254.000.000đ.

[4] Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp thông báo về việc thụ lý vụ án,

các thông báo về phiên hòa giải cho bà Phạm Thị Ngọc L, trong các thông báo này đều nêu rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên bà L không có ý kiến phản đối gì. Do bà L không có ý kiến phản đối gì nên Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Căn cứ vào chứng cứ do bà D cung cấp là 02 giấy mượn nợ đề ngày 10/9/2017 và ngày 10/8/2017 có chữ ký nhận của bà L thể hiện nội dung bà L có nợ bà D số tiền 950.000.000đ. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, buộc bà L trả cho bà D số tiền vốn vay là 950.000.000đ.

[6] Về tiền lãi, cả 02 giấy nợ đều có thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, đương đương 12%/năm, lãi suất này không cao hơn lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà L trả cho bà D 304.000.000đ tiền lãi.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do buộc bà Phạm Thị Ngọc L trả cho bà Nguyễn Thị D 1.254.000.000đ nên bà L phải chịu án phí tính trên số tiền này. Bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà D.

**Vì các lẽ trên,**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 463, 466, 468 và 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Buộc bà Phạm Thị Ngọc L trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền vốn 950.000.000.000đ và 304.000.000đ tiền lãi. Tổng cộng là 1.254.000.000đ (Một tỷ hai trăm năm mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Ngọc L phải chịu 49.620.000đ (Bốn mươi chín triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.810.000đ (Hai mươi bốn triệu tám trăm mười nghìn đồng) theo biên lai số 4253, ngày 13/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh.
- VKSND Huyện.
- THA DS Huyện.
- Các đương sự.
- Lưu.

**TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đỗ Quốc Dũng**